Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8471.50.10

Mã HS	8471.50.10
Mô tả hàng hóa	Máy xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng; đầu đọc từ tính hoặc đầu đọc quang học, máy truyền dữ liệu lên các phương tiện truyền dữ liệu dưới dạng mã hóa và máy xử lý những dữ liệu này, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác / - Bộ xử lý trừ loại của phân nhóm 8471.41 hoặc 8471.49, có hoặc không chứa trong cùng vỏ của một hoặc hai thiết bị sau: bộ lưu trữ, bộ nhập, bộ xuất: / - - Bộ xử lý dùng cho máy tính cá nhân (kể cả loại máy xách tay)
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 08:27:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84715010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14327
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14327
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14327
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13669
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13610
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13610
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13610
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13610
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13610
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13610
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13664
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13664
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13664
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13664

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13664
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13664
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13665
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13665
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13665
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13665
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13665
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13665
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13668
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13616
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13624
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13624
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13624
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13624
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13624
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13624
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13655
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13655
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13655
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13655
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13655
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13655
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13704
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13704
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13704
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13704

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13704
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13704
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13687
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13687
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13687
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13687
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13687
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13687
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13687
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13687
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13687
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13687
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13687
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13687
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13702
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13702
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13702
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13702
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13702
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13702
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13701
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13701
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13701
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13701
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13701
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13701

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13681
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13681
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13681
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13681
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13681
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13681
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13681
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13689
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13689
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13689
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13689
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13689
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13689
RCEP B	2022	2022	0	B!D13689
RCEP B	2023	2023	0	B!E13689
RCEP B	2024	2024	0	B!F13689
RCEP B	2025	2025	0	B!G13689
RCEP B	2026	2026	0	B!H13689
RCEP B	2027	2027	0	B!I13689
RCEP C	2022	2022	0	C!D13689
RCEP C	2023	2023	0	C!E13689
RCEP C	2024	2024	0	C!F13689
RCEP C	2025	2025	0	C!G13689
RCEP C	2026	2026	0	C!H13689
RCEP C	2027	2027	0	C!I13689
RCEP D	2022	2022	0	D!D13688

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13688
RCEP D	2024	2024	0	D!F13688
RCEP D	2025	2025	0	D!G13688
RCEP D	2026	2026	0	D!H13688
RCEP D	2027	2027	0	D!I13688
RCEP E	2022	2022	0	E!D13692
RCEP E	2023	2023	0	E!E13692
RCEP E	2024	2024	0	E!F13692
RCEP E	2025	2025	0	E!G13692
RCEP E	2026	2026	0	E!H13692
RCEP E	2027	2027	0	E!I13692
RCEP F	2022	2022	0	F!D13689
RCEP F	2023	2023	0	F!E13689
RCEP F	2024	2024	0	F!F13689
RCEP F	2025	2025	0	F!G13689
RCEP F	2026	2026	0	F!H13689
RCEP F	2027	2027	0	F!I13689
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12706
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12706
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12706
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12706

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)		11/2018/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8471.50 có 2 dòng thuế; dòng 8471.50.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bộ xử lý dùng cho máy tính cá nhân (kể cả loại máy xách tay).	8471.50.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8471.50.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8471.50.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14327), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.